

BẢNG 2
CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN
(Kèm theo Quyết định số 1970 /QĐ-UBND
ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm		Tài liệu kiểm chứng/Giải trình
			Tự đánh giá	Thẩm định	
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC	12			
1.1	Thực hiện kế hoạch, báo cáo CCHC	6			
1.1.1	Thực hiện kế hoạch CCHC	2			
	Hoàn thành từ 80% - 100% kế hoạch thì điểm đánh giá được tính theo công thức $\left[\frac{\text{Tỷ lệ \% hoàn thành} \times 2.00}{100\%} \right]$				
	Hoàn thành dưới 80% kế hoạch: 0				
1.1.2	Thực hiện chế độ báo cáo CCHC định kỳ	2			
	Đủ số lượng và đạt yêu cầu về nội dung, thời gian theo quy định: 2				
	Thiếu hoặc trễ 01 báo cáo: 1				
	Thiếu hoặc trễ từ 02 báo cáo trở lên: 0				
1.1.3	Phối hợp triển khai việc điều tra xã hội học đo lường sự hài lòng về sự phục vụ hành chính (Chỉ số hài lòng)	2			
	Đạt yêu cầu và đúng thời gian quy định: 2				
	Đúng thời gian nhưng không đạt yêu cầu: 1				
	Trễ thời gian quy định: 0				
1.2	Công tác kiểm tra CCHC	2			
1.2.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch kiểm tra CCHC trong năm	1			

	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 1</i>				
	<i>Không hoàn thành kế hoạch: 0</i>				
1.2.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra CCHC	1			
	<i>100% vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>				
	<i>Dưới 100% vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>				
1.3	Công tác tuyên truyền CCHC	2			
1.3.1	Tuyên truyền thông qua phương tiện thông tin (Đài Phát thanh - Truyền hình, Báo An Giang, Cổng Thông tin điện tử của tỉnh, cơ quan, đơn vị)	1			
	<i>Có thực hiện: 1</i>				
	<i>Không thực hiện: 0</i>				
1.3.2	Tuyên truyền bằng hình thức khác (Hội thi, cuộc thi; báo chí, tạp chí của Trung ương hoặc phổ thông...)	1			
	<i>Có thực hiện: 1</i>				
	<i>Không thực hiện: 0</i>				
1.4	Đổi mới, sáng tạo trong triển khai nhiệm vụ CCHC; triển khai công tác thanh niên	2			
1.4.1	Đổi mới, sáng tạo trong triển khai nhiệm vụ CCHC	1			
	<i>Có từ 02 sáng kiến hoặc giải pháp mới trở lên: 1</i>				
	<i>Có 01 sáng kiến hoặc giải pháp mới: 0,5</i>				
	<i>Không có sáng kiến hoặc giải pháp mới: 0</i>				
1.4.2	Thực hiện nhiệm vụ về công tác thanh niên	1			
	<i>Xây dựng, ban hành kế hoạch theo quy định: 0,5</i>				
	<i>Báo cáo định kỳ đầy đủ theo quy định, hướng dẫn của Sở Nội vụ: 0,5</i>				
2	CẢI CÁCH THỂ CHẾ	6			
2.1	Theo dõi thi hành pháp luật	3			
2.1.1	Kiểm tra tình hình thi hành pháp luật	1			
	<i>Có thực hiện: 1</i>				
	<i>Không thực hiện: 0</i>				
2.1.2	Điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật	1			
	<i>Có thực hiện: 1</i>				
	<i>Không thực hiện: 0</i>				

2.1.3	Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật (TDTHPL)	1			
	<i>Ban hành đầy đủ văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả TDTHPL theo thẩm quyền: 1</i>				
	<i>Không ban hành đầy đủ văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả TDTHPL theo thẩm quyền: 0</i>				
2.2	Rà soát văn bản quy phạm pháp luật (QPPL)	2			
2.2.1	Thực hiện công bố danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	1			
	<i>Kịp thời, đúng quy định: 1</i>				
	<i>Không kịp thời hoặc không đúng quy định: 0</i>				
2.2.2	Kết quả sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế văn bản QPPL sau rà soát	1			
	<i>Tất cả số văn bản đã hoàn thành việc xử lý: 1</i>				
	<i>Có văn bản chưa hoàn thành việc xử lý: 0</i>				
2.3	Xử lý văn bản trái pháp luật do cơ quan có thẩm quyền kiến nghị	1			
	<i>Tất cả số văn bản đã hoàn thành việc xử lý: 1</i>				
	<i>Có văn bản chưa hoàn thành việc xử lý: 0</i>				
3	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	13			
3.1	Kiểm soát quy định thủ tục hành chính (TTHC)	0,5			
	<i>100% số vấn đề phát hiện qua rà soát TTHC được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5</i>				
	<i>Dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>				
3.2	Công khai TTHC và các quy định có liên quan	2,5			
3.2.1	Công khai TTHC đầy đủ, kịp thời theo quy định	1			
	<i>Đúng quy định: 1</i>				
	<i>Không đúng quy định: 0</i>				
3.2.2	Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC của cơ quan, đơn vị trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC	0,5			
	<i>Đúng quy định: 0,5</i>				
	<i>Không đúng quy định: 0</i>				
3.2.3	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được đồng bộ, công khai trên Cổng DVC quốc gia	1			

	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được đồng bộ, công khai trên Cổng DVC quốc gia: 1 Tính điểm theo công thức: $a \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tỷ lệ % hồ sơ đã đồng bộ, công khai.				
	Từ 50% trở xuống: 0				
3.3	Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông	9			
3.3.1	Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả của cơ quan, đơn vị tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả so với quy định	1			
	Đạt tỷ lệ 100%: 1				
	Dưới 100% số TTHC: 0				
3.3.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC của cơ quan, đơn vị tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn (UBND cấp huyện)	2			
	Từ 95% - 100% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn thì điểm đánh giá được tính theo công thức $\left[\frac{\text{Tỷ lệ \% hồ sơ đúng hạn} \times 2.00}{100\%} \right]$				
	Dưới 95% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn: 0				
3.3.3	Tỷ lệ hồ sơ TTHC của cơ quan, đơn vị tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn (UBND cấp xã)	2			
	Từ 95% - 100% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn thì điểm đánh giá được tính theo công thức $\left[\frac{\text{Tỷ lệ \% hồ sơ đúng hạn} \times 2.00}{100\%} \right]$				
	Dưới 95% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn: 0				
3.3.4	Thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC	1			
	Thực hiện đầy đủ, đúng quy định: 1				
	Không đúng quy định: 0				
3.3.5	Đánh giá chất lượng giải quyết TTHC của cơ quan, đơn vị	3			
	Đạt kết quả tốt: 3				
	Chưa tốt: 0				

3.4	Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị	1			
3.4.1	Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị	0,5			
	<i>Tất cả PAKN đã được trả lời: 0,5</i>				
	<i>Một số PAKN chưa trả lời: 0,25</i>				
	<i>Chưa trả lời các PAKN: 0</i>				
3.4.2	Công khai kết quả trả lời PAKN của cá nhân, tổ chức đối với quy định TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị	0,5			
	<i>100% số PAKN đã xử lý, trả lời được công khai theo quy định: 0,5</i>				
	<i>Dưới 100% số PAKN đã xử lý, trả lời được công khai theo quy định: 0</i>				
4	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH	9			
4.1	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của cơ quan, đơn vị	2			
4.1.1	Hoàn thiện quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan, đơn vị	1			
	<i>Đúng quy định: 1</i>				
	<i>Không đúng quy định: 0</i>				
4.1.2	Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo tại cơ quan, đơn vị	1			
	<i>Đúng quy định: 1</i>				
	<i>Vượt quy định: 0</i>				
4.2	Thực hiện các quy định về quản lý biên chế	3			
4.2.1	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính	1			
	<i>Sử dụng không vượt quá số lượng biên chế hành chính được giao: 1</i>				
	<i>Sử dụng vượt quá số lượng biên chế hành chính được giao: 0</i>				
4.2.2	Thực hiện quy định về số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan, đơn vị	1			
	<i>Sử dụng không vượt quá số lượng người làm việc được giao: 1</i>				
	<i>Sử dụng vượt quá số lượng người làm việc được giao: 0</i>				
4.2.3	Thực hiện tinh giản biên chế theo lộ trình	1			
	<i>Đúng quy định: 1</i>				
	<i>Không đúng quy định: 0</i>				

4.3	Thực hiện phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước	1			
	<i>Đúng quy định: 1</i>				
	<i>Không đúng quy định: 0</i>				
4.4	Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm	3			
4.4.1	Cập nhật, hoàn thiện quy định về vị trí việc làm của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý	1			
	<i>Đúng quy định: 1</i>				
	<i>Không đúng quy định: 0</i>				
4.4.2	Tỷ lệ phòng, ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc của cơ quan, đơn vị bố trí công chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	1			
	<i>100% số phòng, ban chuyên môn và đơn vị trực thuộc: 1</i>				
	<i>Từ 80% - dưới 100% số phòng, ban chuyên môn và đơn vị trực thuộc: 0,5</i>				
	<i>Dưới 80% số phòng, ban chuyên môn và đơn vị trực thuộc: 0</i>				
4.4.3	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp trực thuộc của cơ quan, đơn vị bố trí viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	1			
	<i>100% số đơn vị: 1</i>				
	<i>Dưới 100% số đơn vị: 0</i>				
5	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ	6			
5.1	Tuyển dụng, bổ nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức	5			
5.1.1	Thực hiện quy định về tuyển dụng hoặc tiếp nhận vào làm công chức tại cơ quan, đơn vị	1			
	<i>Đúng quy định: 1</i>				
	<i>Không đúng quy định: 0</i>				
5.1.2	Thực hiện quy định về tuyển dụng hoặc tiếp nhận vào làm viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cơ quan, đơn vị	1			
	<i>Đúng quy định: 1</i>				
	<i>Không đúng quy định: 0</i>				
5.1.3	Thực hiện quy định về bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương	1			
	<i>100% lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương được bổ nhiệm đúng quy định: 1</i>				

	<i>Dưới 100% lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương được bổ nhiệm đúng quy định: 0</i>				
5.1.4	Công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức	2			
	<i>Triển khai đào tạo, bồi dưỡng và báo cáo Sở Nội vụ đúng quy định: 2</i>				
	<i>Triển khai đào tạo, bồi dưỡng và có báo cáo Sở Nội vụ nhưng trễ hạn: 1,5</i>				
	<i>Triển khai đào tạo, bồi dưỡng nhưng không báo cáo Sở Nội vụ theo quy định: 1</i>				
	<i>Thực hiện không đúng quy định: 0</i>				
5.2	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức	1			
	<i>Trong năm không có cán bộ, công chức làm việc tại cơ quan, đơn vị bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên: 1</i>				
	<i>Có trường hợp vi phạm bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên: 0</i>				
6	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	6			
6.1	Công tác tài chính - ngân sách	2			
6.1.1	Thực hiện quy định về việc sử dụng kinh phí từ nguồn NSNN	1			
	<i>Không có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá: 1</i>				
	<i>Có sai phạm và đã khắc phục trong năm đánh giá: 0,5</i>				
	<i>Có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá nhưng chưa khắc phục: 0</i>				
6.1.2	Thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách	1			
	<i>Có thực hiện và hoàn thành tất cả các kiến nghị: 1</i>				
	<i>Chưa thực hiện hoặc chưa hoàn thành: 0</i>				
6.2	Công tác quản lý, sử dụng tài sản công	2			
6.2.1	Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý	1			
	<i>100% số cơ quan, đơn vị đã ban hành: 1</i>				
	<i>Dưới 100% số cơ quan, đơn vị đã ban hành: 0</i>				
6.2.2	Tổ chức thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công	1			
	<i>Thực hiện đúng quy định: 1</i>				
	<i>Thực hiện không đúng quy định: 0</i>				

6.3	Thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL)	2			
6.3.1	Thực hiện quy định về sử dụng các nguồn tài chính và phân phối kết quả tài chính tại các đơn vị SNCL	1			
	<i>Không có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá: 1</i>				
	<i>Có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá: 0</i>				
6.3.2	Tỷ lệ giảm chi trực tiếp ngân sách cho đơn vị sự nghiệp so với năm 2021	1			
	<i>Đạt tỷ lệ từ 10% trở lên: 1</i>				
	<i>Đạt tỷ lệ dưới 10%: 0</i>				
7	XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ	10			
7.1	Phát triển các ứng dụng, dịch vụ trong nội bộ cơ quan, đơn vị	2,5			
7.1.1	Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng	1			
	<i>Đạt từ 80% trở lên: 1</i>				
	<i>Dưới 80%: 0</i>				
7.1.2	<i>Văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước (trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật) dưới dạng điện tử</i>	1			
	<i>Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số văn bản được phát hành; b là tổng văn bản được phát hành có ký số điện tử</i>				
7.1.3	Thực hiện báo cáo trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh	0,5			
	<i>Thực hiện đầy đủ, đúng quy định: 0,5</i>				
	<i>Không đúng quy định: 0</i>				
7.2	Phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, tổ chức	2,5			
7.2.1	Cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định	0,5			
	<i>Đạt yêu cầu: 0,5</i>				
	<i>Chưa đạt yêu cầu: 0</i>				
7.2.2	Triển khai số hóa hồ sơ giải quyết TTHC	1			

	<i>Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC:</i> <i>Từ 80% trở lên: 0.5</i> <i>Từ 50% - dưới 80%: 0.25</i> <i>Dưới 50%: 0</i>				
	<i>Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa:</i> <i>Từ 50% trở lên: 0.5</i> <i>Từ 25% - dưới 50%: 0.25</i> <i>Dưới 25%: 0</i>				<i>Đối với những TTHC có thể tái sử dụng lại kết quả giải quyết TTHC trước đó</i>
7.2.3	Hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện thông qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh	1			
	<i>Tính điểm theo công thức: (b/a) * điểm tối đa. Trong đó: a là tổng số hồ sơ giải quyết trong năm; b là tổng số hồ sơ được tiếp nhận, xử lý trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh</i>				
7.3	Dịch vụ công trực tuyến	5			
7.3.1	Dịch vụ công trực tuyến xử lý bằng hồ sơ điện tử	1			
	<i>Đạt tỷ lệ 100%: 1</i>				
	<i>Chưa đạt tỷ lệ 100%: 0</i>				
7.3.2	Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến	1			
	Tính điểm theo công thức: (b/a)*điểm tối đa. Trong đó: a là tổng số hồ sơ giải quyết trong năm của các DVCTT (gồm cả trực tuyến và không trực tuyến) b là số lượng hồ sơ nộp trực tuyến của DVCTT toàn trình và một phần				
7.3.3	Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến toàn trình của cơ quan, đơn vị	1			
	<i>Tính điểm theo công thức: (b/a) * điểm tối đa. Trong đó: a là tổng số hồ sơ giải quyết trong năm của DVC trực tuyến toàn trình (gồm cả trực tuyến và không trực tuyến); b là số hồ sơ giải quyết trực tuyến của DVC trực tuyến toàn trình (không sử dụng bản giấy)</i>				
7.3.4	Thực hiện thanh toán trực tuyến	2			

	Tỷ lệ TTHC được triển khai thanh toán trực tuyến: 0.50 Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó: <i>a</i> là tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính <i>b</i> là số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến	0,5			Chỉ áp dụng đối với các TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính và có đủ điều kiện thực hiện thanh toán trực tuyến.
	Tỷ lệ TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến: 0.50 Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó: <i>a</i> là tổng số TTHC đang triển khai thanh toán trực tuyến <i>b</i> là số TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến	0,5			
	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến: 1 Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times 1$. Trong đó: <i>a</i> là tổng số hồ sơ đã giải quyết của các TTHC thuộc phạm vi đánh giá; <i>b</i> là số hồ sơ có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến	1			Phạm vi thống kê là các hồ sơ đã giải quyết của các TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính đang triển khai cung cấp trực tuyến.
8	CÔNG TÁC VĂN THƯ, LƯU TRỮ	6			
8.1	Ban hành Kế hoạch văn thư lưu trữ và Danh mục hồ sơ cơ quan	2			
8.1.1	Ban hành Kế hoạch văn thư lưu trữ	1			
	Có ban hành: 1				
	Không ban hành: 0				
8.1.2	Ban hành Danh mục hồ sơ cơ quan	1			
	Có ban hành: 1				
	Không ban hành: 0				
8.2	Triển khai lập hồ sơ công việc	2			
8.2.1	Lập đầy đủ các hồ sơ theo Danh mục hồ sơ và hồ sơ phát sinh ngoài dự kiến (hồ sơ điện tử và hồ sơ giấy)	1			
	Thực hiện lập hồ sơ điện tử đúng và đủ theo Danh mục: 1				
	Thực hiện lập hồ sơ giấy đúng và đủ theo Danh mục: 0,5				
	Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định: 0				
8.2.2	Giao nộp hồ sơ vào lưu trữ cơ quan	1			
	Thực hiện đúng quy định: 1				
	Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định: 0				
8.3	Các chế độ báo cáo định kỳ 6 tháng, năm, báo cáo thống kê	1			

	<i>Đủ số lượng và đạt yêu cầu về nội dung: 1</i>				
	<i>Không đủ số lượng hoặc không đạt yêu cầu: 0</i>				
8.4	Bố trí kho lưu trữ	1			
	<i>Đúng quy định: 1</i>				
	<i>Không đúng quy định hoặc không bố trí: 0</i>				
9	MỨC ĐỘ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI DÂN, TỔ CHỨC ĐỐI VỚI SỰ PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH (CHỈ SỐ HÀI LÒNG)	32			
	<i>Chỉ số hài lòng quy đổi ra điểm đánh giá được tính theo công thức</i> $\left[\frac{\text{Chỉ số hài lòng} \times 32}{100\%} \right]$				
	CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (TỔNG ĐIỂM)	100			